TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐIỆN BIÊN** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2022/HNGĐ- ST
Ngày: 15/9/2022
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vì Thị Xôm và bà Trần Thị Duyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Lò Thị Hoà, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên;

Ngày 15 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 200/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2022 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lò Thị Ph; Sinh năm 1979.

Địa chỉ: Bản N, xã N, huyện Đ,tỉnh Điện Biên (Vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Lò Văn Gi; Sinh năm 1977

Nơi ĐKNKTT: Bản N, xã N, huyện Đ,tỉnh Điện Biên.

Hiện đang chấp hành án tại đội Phạm nhân số 54, trại giam Y, Bộ công an (xã H, huyện Ph, tỉnh Sơn La) (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/7/2022 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Lò Thị Ph trình bày:

Về hôn nhân: Bà Ph và ông Gi tổ chức kết hôn và về chung sống với nhau từ năm 1998 nhưng không đi đăng ký kết hôn. Từ năm 2001 đến nay ông Gi đã phải đi tù nhiều lần về các tội liên quan đến ma tuý, lần đầu từ năm 2001, lần 2 năm 2008, lần gần đây nhất tháng 11 năm 2020 ông Gi lại bị bắt về tội Mua bán trái phép chất ma tuý và tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý, hiện đang phải chấp hành án. Quá trình chung sống thường hay xảy ra mâu thuẫn, nhiều lần chị Ph còn bị đánh đập. Nay bà Ph xét thấy không thể chung sống được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn chấm dứt mối quan hệ giữa hai ông bà.

Về con chung: Bà Ph và ông Gi có hai con chung là cháu Lò Thị Ng1, sinh năm 1999 và cháu Lò Thị Ng2 sinh năm 2001. Hiện các cháu đã thành niên và đã lập gia đình riêng nên bà Ph không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản và nợ: Bà Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Ph có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên toà do bận công việc.

Tại bản tự khai ngày 10/8/2022 và trong quá trình giải quyết ông Gi trình bày:

Về hôn nhân: Ông Gi và bà Ph chung sống với nhau từ ngày 25/5/1998, không có đăng ký kết hôn. Việc chung sống với nhau do hai bên tự nguyện, không bị ai ép buộc. Đến nay cả hai xác định tình cảm không còn, bà Ph có đơn xin ly hôn ông Gi đồng ý ly hôn.

Về con chung: ông Gi khai có hai con chung cháu Lò Thị Ng1 và Lò Thị Ng2, hiện đều khôn lớn và lập gia đình. Ông Gi không có ý kiến, yêu cầu gì về con.

Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu toà án giải quyết.

Ông Gi có đơn xin vắng mặt tại các buổi làm việc và phiên xét xử vụ án do đang phải chấp hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thủ tục thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 25/7/2022 Bà Lò Thị Ph nộp đơn khởi kiện về việc Ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên đối với ông Lò Văn Gi, nơi đăng ký thường trú: Bản Na Sang 2, xã Núa Ng1m, huyện Điện Biên,tỉnh Điện Biên. Bà Ph có quyền yêu cầu giải quyết ly hôn theo qui định tại khoản 1 điều 51 và được Tòa án thụ lý theo qui định tại điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ngày 01/8/2022, bà Ph đã nộp tạm ứng án phí theo Điều 146 Bộ luật tố tụng Dân sự (sau đây ghi tắt là BLTTDS) và nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí cho Tòa án, cùng ngày Tòa án đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà Ph theo Điều 195 BLTTDS.

- Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu Ly hôn giữa bà Lò Thị Ph và ông Lò Văn Gi thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

- Các vấn đề khác: ông Gi, bà Ph đều có đơn đề nghị tòa xét xử vắng mặt nên hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt ông Gi, bà Ph.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

Về hôn nhân: Hội đồng xét xử xét thấy việc bà Ph, ông Gi tuy có đủ điều kiện kết hôn nhưng chung sống với nhau từ năm 1998 đến nay vẫn không đăng ký kết hôn là không thực hiện theo đúng qui định tại khoản 1 điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Nay bà Ph thấy không thể chung sống được với nhau nữa và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Tòa án đã thụ lý đơn ly hôn và thông báo cho hai ông bà đến Tòa án để hòa giải đoàn tụ và hướng dẫn đăng ký kết hôn theo qui định nhưng ông Gi đã không có mặt theo sự triệu tập của Tòa án do phải chấp hành án. Ông Gi và bà Ph đều khẳng định không còn tình cảm với nhau, cùng đồng ý ly hôn nên việc trở về đoàn tụ, thực hiện việc đăng ký kết hôn là không thể. Hội đồng xét xử thấy rằng việc hai ông bà chung sống mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo qui định tại khoản 1 điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Do đó, cần căn cứ khoản 2 điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2015 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Ph và ông Gi để chấm dứt mối quan hệ này.

Về con chung: Xét thấy 02 con chung của bà Ph, ông Gi là các cháu Lò Thị Ng1 và Lò Thị Ng2 đều đã đủ tuổi thành niên và lập gia đình riêng. Các đương sự không có yêu cầu gì nên hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về tài sản và nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đề cập.

[3] Án phí: Bà Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đ đối với yêu cầu của mình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lò Thị Ph và ông Lò Văn Gi.

2. Về con chung: Các con chung là các cháu Lò Thị Ng1, Lò Thị Ng2 đã thành niên. Không đề cập giải quyết.

3. Về tài sản và nợ: Không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Bà Lò Thị Ph phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005018 ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Bà Ph đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Ngọc

Nơi nhận:
- VKSND HĐB;
- UBND xã N;
- Chi cục THADS HĐB;
- Tòa án tỉnh ĐB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP;